CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 462.2024.NT159/QT1.069D1.1)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**Công ty TNHH Một thành viên Vina Paper**	
Địa chỉ:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	
Vị trí quan trắc:	NT1: Sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận tại kênh tiêu Tân Chi.	
Tọa độ:	X(m) = 2333712; Y(m) = 559665	
Loại mẫu:	Nước thải	Ký hiệu mẫu: **NT-001**
Mô tả điểm quan trắc:	Nước trong, không mùi	
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 21 tháng 03 năm 2024	
Ngày phân tích mẫu:	Ngày 21/03/2024 đến ngày 02/04/2024	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				NT-001	Giới hạn
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	26,30	40
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,16	6 ÷ 9
3	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	Pt-Co	21,62	49,5
4	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20^0C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	17,1	27,0
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	32,0	74,25
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	15,5	49,5
7	Amoni (NH^{4+} tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,89	4,5
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	0,045
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,0005)	0,0045
10	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	0,09
11	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	0,045

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,0) và QCVN 12-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (Cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,1), cụ thể như sau;

- Dấu (-): là không quy định;

- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);

Bắc Ninh, Ngày 02 tháng 04 năm 2024

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;

2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;

4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 1782.2023.MTR2/QT4.109D4.2)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**Công ty TNHH Một thành viên Vina Paper**	
Địa chỉ:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Vị trí quan trắc:	MTR: Mẫu chất thải rắn lấy tại bột giấy thứ cấp	
Tọa độ:	X(m) = 2333762; Y(m) = 559664	
Loại mẫu:	Mẫu chất thải rắn	Ký hiệu mẫu: **MTR-001**
Mô tả điểm quan trắc:	Dạng rắn	
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 21 tháng 03 năm 2024	
Ngày phân tích mẫu:	Ngày 21/03/2024 đến ngày 02/04/2024	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				MTR-001	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H (ppm)
1	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3114B:2017	mg/Kg	KPH(MDL=0,6)	40
2	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg	KPH(MDL=0,05)	10
3	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg	2,61	300
4	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	mg/Kg	546,8	5.000
5	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	mg/Kg	45,6	1.400
6	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	mg/Kg	482,4	-
7	Thủy ngân (Hg)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3112B:2017	mg/Kg	KPH(MDL=0,02)	4

Ghi chú:

+ QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- Dấu (-): là không quy định;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);

Bắc Ninh, Ngày 02 tháng 04 năm 2024

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 518.2024.KT286/QT1.069D1.2)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**Công ty TNHH Một thành viên Vina Paper**	
Địa chỉ:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Vị trí quan trắc:	KT1: Tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói lò hơi Tương ứng với ống khói thải chung (sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01 và lò hơi số 02)	
Tọa độ:	X(m)= 2333847; Y(m) = 559679.	
Loại mẫu:	Khí thải	**Ký hiệu mẫu:** KT-001
Mô tả điểm quan trắc:	Ít bụi, không mùi	
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 21 tháng 03 năm 2024	
Ngày phân tích mẫu:	Ngày 21/03/2024 đến ngày 02/04/2024	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KT-001	Giới hạn
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	14664,60	-
2	Cacbon oxit (CO)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	59,30	900
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	20,96	450
4	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	5,64	765
5	Bụi (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	31,51	180
6	Hydro sunphua, (H_2S)(*)	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	<0,5	6,75

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B); Trong đó: Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ $C_{max} = C \times Kp \times Kv$ (trong đó Kp= 0,9 và Kv =1);

- Dấu (-): là không quy định;

- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).

- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);

- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng (Mã số chứng nhận: VIMCERTS 185) có phiếu kết quả kèm theo

Bắc Ninh, Ngày 08 tháng 04 năm 2024

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1.Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;

2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;

4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.